

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/DS-ST
Ngày: 18 /7/2017
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay và mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông **Thạch Rích**

2/. Bà **Ngô Khánh Vy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đình Quốc Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2016/TLST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/ QĐST- DS ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện ủy quyền của bà **Nguyễn Thị U**: Ông **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1952

Địa chỉ số: 25/28, đường Lý Tự Trọng, khóm 1, phường 2, thành phố S

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Nguyễn Thị U**: Ông **Hoàng Văn Q**, là luật sư của Văn phòng luật sư Hoàng Văn Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Ông **Lâm Thái H**, sinh năm 1975

Bà **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ số: 55/10, ấp T A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Lâm Thái H** và bà **Lê Thị Thùy T**: Ông **Võ Bá Đ** là luật sư của Văn phòng luật sư Võ Bá Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp T A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2016; biên bản hòa giải ngày 30/8/2016; biên bản đối chất ngày 13/10/2016; biên bản hòa giải ngày 01/3/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị U là ông Hoàng Văn H trình bày:

Do quan hệ bạn bè làm ăn quen biết nhau, vào ngày 13/10/2015 vợ chồng ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T có vay của bà Nguyễn Thị U số tiền: 300.000.000đ, lãi suất 5%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng, đến ngày 13/01/2016 trả vốn và lãi (Có biên nhận). Khi đến hạn trả ngày 13/01/2016, vợ chồng ông H và bà T xin châm trả vốn, lãi đóng được 02 tháng 30.000.000đ. Khi đến hạn 01 tháng nữa ông H và bà T không trả vốn mà đóng lãi 02 tháng, lãi suất 3%, bằng 18.000.000đ.

Trong thời gian từ năm 2015 đến tháng 01/2016, vợ chồng ông H và bà T còn nợ tiền mua khô là 66.300.000đ, nhưng ông xin rút lại yêu cầu đối với số tiền: 66.300.000đ.

Nay bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T trả số tiền vốn vay 300.000.000đ, tính lãi quá hạn 1.125% / tháng, từ ngày 13 tháng 02 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo đơn phản tố ngày 28 tháng 11 năm 2016; biên bản hòa giải ngày 30/8/2016; biên bản đối chất ngày 13/10/2016; biên bản hòa giải ngày 01/3/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Ông H và bà T đều thừa nhận vào ngày 13/10/2015, có vay tiền của bà Nguyễn Thị U là 300.000.000đ, lãi suất 8% tháng, thời gian vay là 03 tháng, đến ngày 13/01/2016 trả vốn lãi, nhưng ông H và bà T không có trả vốn, trả lãi được 03 tháng là 24.000.000đ.

Từ ngày 13/01/2016 đến ngày 13/6/2016, trả lãi 05 tháng, lãi suất 5% tháng, là 75.000.000đ

Sau đó hai bên giao ước lấy khô trừ nợ. Tính từ ngày 04/01/2016 âm lịch đến ngày 25/5/2016 âm lịch, bà U lấy tổng cộng là: 1611kg khô cá lóc, giá mỗi giá là 150.000đ, như vậy thành tiền là: 1611kg x 150.000đ = 241.650.000đ.

Nay ông H và bà T làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U phải trả số tiền mua khô là: 241.650.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/3/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày: Vào ngày 13/10/2015, ông H có vay tiền của bà Nguyễn Thị U số tiền: 300.000.000đ, còn việc ông H và bà

T cho rằng từ ngày 04/01/2016 đến ngày 25/5/2016 âm lịch bà U lấy 1.611kg khô cá lóc, giá 150.000đ/1kg, thành tiền 241.650.000đ là không có.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và T trả số tiền 300.000.000đ và tính lãi quá hạn 1.125% / tháng, từ ngày 13 tháng 02 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2016, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông làm nghề chạy xe ôm, chở hàng thuê cho bà U, ông H và bà T nên quen biết nhau, ông thường xuyên chở hàng khô cá lóc cho bà U, ông H và bà T giao cho khách hàng, cách đây khoảng 03 năm bà T và ông H kêu ông chở khô cá lóc giao cho bà U, chở trong bao, mỗi bao khoảng 60kg, địa điểm giao tại chùa Chén Kiểu chỗ bà U bán, cũng có khi giao tại nhà, giao xong thì về, không có cho ký nhận, vì giữa bà U và bà T đã điện thoại nói chuyện với nhau rồi, còn việc ông H và bà T vay tiền của bà U hay bà U thiếu tiền khô của bà T và ông H thì ông không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà với bà U, bà T và ông H là bạn bè, việc bà T và ông H vay tiền của bà U bà không biết. Bà và bà U đều là người mua khô cá lóc của ông H và bà T cách đây khoảng 08 năm, giá gần hết khoảng 170.000đ - 180.000đ/1kg. Việc bà mua khô của bà T thì điện thoại kêu chở lại, một hai ngày thanh toán tiền, còn giữa bà T với bà U mua bán giao khô trừ nợ vay như thế nào bà không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T tiền vốn vay: 300.000.000đ, tính lãi quá hạn 1.125%/ tháng, từ ngày 13/02/2016 đến ngày xét xử; cũng thừa nhận ông H và bà T đóng lãi được 5 tháng là 48.000.000đ (Trong đó 03 tháng đầu lãi 5%/ tháng bằng 30.000.000đ, còn lại 02 tháng sau 3% bằng 18.000.000đ).

Còn ông H và bà T đều thừa nhận vào ngày 13/10/2015 có vay của bà U là 300.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 8% tháng, đến ngày 13/01/2016 trả vốn và lãi, chưa trả vốn đóng lãi 03 tháng bằng 24.000.000đ, từ ngày 03/01/2016 đến ngày 13/6/2016 đóng lãi 05 tháng, lãi suất 5% tháng bằng 75.000.000đ, tổng số lãi đã đóng 99.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng ông H và bà T đều thừa nhận có vay của bà U là 300.000.000đ chưa trả vốn, đóng lãi được 99.000.000đ, nhưng bà U chỉ thừa nhận đóng lãi được 48.000.000đ, về phía ông H và bà T không cung cấp được chứng cứ đóng lãi 99.000.000đ, nên chấp nhận theo lời thừa nhận của bà U, ông H và bà T đóng lãi được 48.000.000đ.

Tại phiên Tòa hôm nay luật sư bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà U yêu cầu tính lãi quá hạn 1.125%/ tháng, từ ngày 13 tháng 02 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nhưng đối với tiền lãi trong hạn các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất do đó áp dụng

lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% / năm, tháng là 0.75% nên cần điều chỉnh lại.

Lãi suất trong hạn tính từ ngày 13/10/2015 đến ngày 13/01/2016 là (03 tháng)
 $300.000.000đ \times 0.75\% \times 03 \text{ tháng} = 6.750.000đ.$

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 13/01/2016 đến ngày 18/7/2016 là (18 tháng 05 ngày).

$300.000.000đ \times 0.75\% \times 150\% \times 18 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 61.312.500đ.$

Lãi suất trong hạn và quá hạn là: 68.062.500đ (6.750.000đ + 61.312.500đ = 68.062.500đ).

Ông H và bà T đã đóng lãi được 48.000.000đ, còn phải trả lãi cho bà U là 20.062.500đ (68.062.500đ - 48.000.000đ = 20.062.500đ).

Do đó cần buộc ông H và bà T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà U và ông H số tiền vốn vay 300.000.000đ, lãi 20.062.500đ, tổng cộng vốn và lãi là: 320.062.500đ là có căn cứ.

Đối với số tiền 66.300.000đ bà U cho rằng ông H và bà T nợ tiền mua khô còn thiếu, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà T trả số tiền trên, nhưng tại phiên Tòa hôm nay người đại diện ủy quyền cho bà U rút lại yêu cầu, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu của số tiền 66.300.000đ.

Xét đơn phản tố Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U trả số tiền mua khô là: 241.650.000đ. Hội đồng xét xử, xét thấy ông H và bà T cho rằng từ ngày 04/01/2016 âm lịch đến ngày 25/5/2016 âm lịch bà U lấy khô cá lóc 1.611kg, giá 150.000đ/kg, thành tiền 241.650.000đ (1.611kg, giá 150.000đ/kg = 241.650.000đ, để trừ dần vào tiền vay 300.000.000đ). Nhưng bà U không thừa nhận, ông H và bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Còn luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà T cho rằng việc thỏa thuận giao khô để trừ dần tiền vay có ông Đ, bà L là người làm chứng biết, nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông Đ, bà L là người làm chứng trình bày không biết việc mua bán khô của ông H và bà T với bà U, nên không có cơ sở để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử bác phản tố của ông H và bà T yêu cầu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U trả số tiền mua khô 241.650.000đ là có căn cứ.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là " Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản". Nhưng trong quá trình diễn biến tại phiên Tòa thấy rằng việc vay tiền diễn ra trước, sau đó mới mua bán, nên Hội đồng xét xử xác định đây là " Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản".

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị U là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 302; Điều 471; khoản 1,5 Điều 474; khoản 2 Điều 476; khoản 2 Điều 478; Điều 428; khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn H số tiền vốn và lãi là: 320.062.500đ là có căn cứ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị U đối với số tiền khô 66.300.000đ.

Bác phản tố của ông H và bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả số tiền mua khô 241.650.000đ là có căn cứ.

Về án phí: Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 16.003.125đ (320.062.500đ x 5% = 16.003.125đ).

Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.082.500đ (241.650.000đ x 5% = 12.082.500đ).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đ. Riêng đối với số tiền của các bị đơn mua khô 66.300.000đ tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về yêu cầu phản tố của các bị đơn đối với nguyên đơn phải trả số tiền khô là 241.650.000đ, không có hóa đơn, chứng cứ chứng minh khi giao nhận hàng cho nên yêu cầu phản tố không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 300.000.000đ và lãi suất theo mức quy định của pháp luật (Số tiền lãi này sẽ được trừ vào 48.000.000đ mà các bị đơn đã đóng trước đó).

Bác yêu cầu phản tố của các bị đơn buộc nguyên đơn phải trả tiền khô 241.650.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 302; Điều 471; khoản 1,5 Điều 474; khoản 2 Điều 476; khoản 2 Điều 478; Điều 428; khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2, 5 Điều 27 Pháp lệnh quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị U kiện ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T về việc " tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản".

Buộc ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn H các khoản tiền sau:

- Tiền vốn: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

- Tiền lãi: 20.062.500đ (Hai mươi triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng);

- Tổng cộng vốn và lãi: : 320.062.500đ (Ba trăm hai mươi triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị U đối với số tiền khô 66.300.000đ (Sáu mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Bác đơn phản tố của ông H và bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả số tiền mua khô 241.650.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí: Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 16.003.125đ (Mười sáu triệu không trăm không chục lẻ ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị U 9.157.500đ (Chín triệu một trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002093 ngày 26/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.082.500đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 6.041.500đ theo biên lai số 0003802 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T còn phải nộp 6.041.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lâm Thái H và bà Lê Thị Thùy T còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn H theo mức lãi suất 10% / năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh